TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 600/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Bà Bùi Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 753/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Tiết Ngọc P, sinh ngày 12/9/1976

CCCD số: 091176014875 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04/9/2022.

Địa chỉ: 387/20 đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Bị đơn: Ông Mai Quang N, sinh ngày 21/02/1965

Căn cước số: 079065001807 do Bộ Công an cấp ngày 14/02/2025.

Địa chỉ: 387/20 đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/9/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – bà Tiết Ngọc P trình bày: Bà và ông Mai Quang N tự nguyện kết hôn năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 104/2009; Quyển số: II/P2 do UBND phường X, quận M (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày

20/6/2009). Bà quê ở Kiên Giang một mình lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, khi chung sống chung với ông N bà không có được sự quan tâm, chăm sóc của ông N, ông N chỉ chăm lo cho gia đình lớn của mình. Khi vợ chồng nói chuyện qua lại ông N lại bỏ nhà đi, có khi đi gần 1 năm mới về, gần 1 năm nay vợ chồng đã ly thân, công việc của bà là trên mạng, khách hàng là đàn ông, phụ nữ, khi ly thân ông N có ghé qua nhà nhưng bà làm việc khuya sợ ảnh hưởng đến ông N mới đưa ghế ra ngoài cho ông N ngủ. Hiện tình cảm không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Mai Quang N trình bày: Ông xác nhận việc kết hôn với bà P, sau khi kết hôn ông chăm lo cho bà P và cả gia đình nhà ông, ông không thể chỉ vì gia đình nhỏ mà bỏ bê gia đình lớn. Sau dịch cô vít 19 do có khó khăn về kinh tế nên vợ chồng xảy ra nhiều việc, nhiều lần ông bỏ nhà đi, ít nhất là 1 tháng, lâu là gần 1 năm, ông bỏ nhà đi là do khi vợ chồng nói qua lại bà P hay nói "ông về mà lo cho mấy bà chị đi", ông tự ái, bực tức với lời bà P nói nên mới bỏ đi. Lần bỏ đi gần nhất là tháng 3/2025, từ tháng 5-7/2025 ông có về chỗ bà P 4 lần và có ngủ lại, ngoài ra ông cũng thường xuyên về thăm, khi ngủ lại ông thấy bà P thường ở trong phòng làm việc trên mạng, ông thấy khách hàng là đàn ông, lần cuối cùng về ông có làm cơm để hai vợ chồng ăn nhưng chờ bà P lâu quá nên đã bỏ đi từ đó đến nay. Nay bà P yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn vì ông là người có đạo công giáo, luật công giáo không cho phép ông được ly hôn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Bị đơn – ông Mai Quang N vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Tiết Ngọc P trình bày: Tình cảm không còn, thời gian ly thân đã lâu nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Bà và ông Nghị không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phượng khởi kiện yêu cầu ly hôn, do ông N cư trú tại phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà P có mặt. Bị đơn – ông N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nghị theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 104/2009; Quyển số: II/P2 do UBND Phường X, quận M (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/6/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông N là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà P yêu cầu được ly hôn với ông N vì quá trình chung sống không nhận được sự quan tâm, chăm sóc từ ông N, vợ chồng ly thân đã lâu.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bà P, ông N thừa nhận vợ chồng thường cãi vã, mâu thuẫn nên ông N nhiều lần bỏ nhà đi, hiện bà P không còn tình cảm với ông N nên yêu cầu ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà P, ông N là trầm trọng, kéo dài, thời gian ly thân đã lâu không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P được ly hôn ông N để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về quan hệ con chung: Bà P, ông N xác nhận không có.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P, ông N xác nhận không có.

[7] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, bà P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cấn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Tiết Ngọc P.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tiết Ngọc P được ly hôn ông Mai Quang N.

b. Về quan hệ con chung: Không có.

c. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Tiết Ngọc P chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Tiết Ngọc P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0022233 ngày 02/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Tiết Ngọc P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Mai Quang N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 - Tp.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Hương